

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 tháng 7 năm 2020

V/v: Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn Q; địa chỉ: Số A, xóm D, thôn T, xã M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Mã Thị M; địa chỉ: Làng N, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2020, lời khai trong quá trình giải Q vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Hoàng Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn Q và bà Mã Thị M có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang), việc kết hôn của ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì trong quá trình chung sống ông bà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và do ông Q phải chấp hành án, trong thời gian ông Q chấp hành án thì bà M đã sống chung với người khác, ông bà đã sống ly thân từ cuối năm 2009 đến nay. Nay ông Q nhận thấy không còn tình

cảm với bà M nữa, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, ông Q yêu cầu Tòa án giải Q cho ông Q được ly hôn với bà M.

- Về con chung: Ông Hoàng Văn Q và bà Mã Thị M có 01 con chung là cháu Hoàng Quỳnh N sinh ngày 12 tháng 01 năm 2008. Từ khi ông bà ly thân thì cháu N do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, thời gian từ năm 2014 đến nay thì cháu N do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Quỳnh N. Ông Q không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông Hoàng Văn Q và bà Mã Thị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Tại đơn xin giải Q và xét xử vắng mặt ngày 27 tháng 7 năm 2020, bà Mã Thị M trình bày:

Bà M đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Q; về con chung thì ông bà có 01 con chung là cháu Hoàng Quỳnh N sinh ngày 12 tháng 01 năm 2008, hiện nay cháu N đang sống cùng với ông Q tại Bắc Giang, ly hôn bà M đồng ý giao cháu N cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà M không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung thì bà M không yêu cầu Tòa án giải Q.

Ý kiến của cháu Hoàng Quỳnh N: Cháu N có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với cha là ông Hoàng Văn Q.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đảm bảo theo quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng của nguyên đơn và bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về việc giải Q vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Q.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có: Đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn Q; Chứng minh nhân dân ông Hoàng Văn Q; Sổ hộ khẩu Hoàng Thị H; Giấy khai sinh cháu Hoàng Quỳnh N; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy tự khai của ông Hoàng Văn Q ngày 05/3/2020; Giấy trình bày nguyện vọng của cháu Hoàng Quỳnh N ngày 05/3/2020; Đơn đề nghị tòa án không hòa giải khi giải Q ly hôn và xét xử vắng mặt của ông Hoàng Văn Q ngày 28/4/2020; Biên bản xác minh ngày 30/6/2020.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Ông Hoàng Văn Q và bà Mã Thị M có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ông Hoàng Văn Q và bà Mã Thị M có 01 con chung là cháu Hoàng Quỳnh N sinh ngày 12 tháng 01 năm 2008.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Không.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2020 của ông Hoàng Văn Q về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Mã Thị M có hình thức và nội dung đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Mã Thị M cư trú tại làng N, xã C, huyện I, tỉnh Gia Lai nên việc thụ lý và giải Q đơn khởi kiện của ông Q của Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Mã Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bà M.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Văn Q: Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống hôn nhân của ông Q và bà M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn sâu sắc, không có hạnh phúc, hai bên không còn quan tâm đến nhau, ông Q và bà M đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, bà M đồng ý ly hôn với ông Q. Xét thấy, hôn nhân của ông Q và bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Q theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Hoàng Văn Q có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là cháu Hoàng Quỳnh N. Xét thấy, ông Q đảm bảo về điều kiện nuôi con, cháu N do ông Q trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2014 đến nay, nguyện vọng của cháu N là được tiếp tục chung sống cùng với ông Q, đồng thời bà M đồng ý giao cháu N cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Q.

Hội đồng xét xử đã giải thích để ông Q biết về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là vì quyền lợi của con Nng ông Q vẫn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Mã Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tuy nhiên không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con khi ông Q không còn đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nuôi con theo quy định tại Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Ông Hoàng Văn Q không yêu cầu Tòa án giải Q về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Hoàng Văn Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị Q.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Văn Q, cho ly hôn giữa ông Hoàng Văn Q và bà Mã Thị M.

2. Về con chung xử: Giao con chung là cháu Hoàng Quỳnh N sinh ngày 12 tháng 01 năm 2008 cho ông Hoàng Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Bà Mã Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con khi ông Hoàng Văn Q không còn đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nuôi con.

3. Về án phí: Ông Hoàng Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ toàn bộ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005906 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo nêu trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Hà